

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28/7/2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thanh Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Lan

2. Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2021/TLST- HNGĐ ngày 21/5/2021 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị L**, sinh năm 1981

Nơi ĐKKHKT: Tổ 3, khu T 1, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;
Có mặt.

* Bị đơn: Ông **Đỗ Văn D**, sinh năm 1979

Nơi ĐKKHKT: Tổ 3, khu T 1, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Ngô Thị L trình bày:

Bà và ông Đỗ Văn D tự nguyện kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B (nay là phường B, thành phố Hạ Long), tỉnh Quảng Ninh vào ngày 17/11/2004 trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau chưa kỹ, khoảng một năm; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông D không quan tâm đến gia đình, gây bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ hai năm về trước đồng thời thường xuyên uống rượu say xảy ra cãi vã lẫn nhau, đánh vợ và chửi các con. Bà L cố gắng chịu đựng vì các con nhưng mâu thuẫn ngày một nhiều, cuộc sống ngày càng mệt mỏi. Hiện tại bà và ông D vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân từ tháng 8-9 năm 2020.

Đến nay, bà thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã hòa giải cho vợ

chồng đoàn tụ nhưng nhận thấy không thể hàn gắn cuộc hôn nhân này nên vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D để sống bớt mệt mỏi và tập trung nuôi dạy con. Về con chung: bà và ông D có 02 con chung là: Đỗ Minh A, sinh ngày 05/7/2005 và Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 22/7/2007, hiện tại bà đang công tác Ủy ban nhân dân thành phố H, làm ngày giờ hành chính nên có thời gian và đủ điều kiện chăm sóc các con hơn bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung Đỗ Minh A 5.000.000đ/tháng kể từ khi có Bản án/quyết định của Tòa án cho đến khi Đỗ Minh A thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng đối với con chung Đỗ Tiến Đ. Về tài sản chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: ông Đỗ Văn D có lời khai tại bản tự khai ngày 02/6/2021 xác nhận việc tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B (nay là phường B, thành phố Hạ Long), tỉnh Quảng Ninh như bà L trình bày; Về quan hệ vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc 16 năm chưa có mâu thuẫn gì, chỉ cãi nhau vặt, ông không đánh vợ, vợ chồng vẫn sống chung một nhà và chưa có thời gian sống ly thân. Ông nhận thấy mình có lỗi nhỏ là vui chơi rượu chè nhưng vẫn có trách nhiệm với gia đình. Ông sẽ có biện pháp là ít rượu chè, ít vui chơi để tập trung chăm sóc gia đình, ông nhận thấy vẫn còn tình cảm với bà L và muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Về con chung: ông và bà L có 02 con chung là Đỗ Minh A, sinh ngày 05/7/2005 và Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 22/7/2007 ông không muốn ly hôn nên không có quan điểm về việc con chung sống với ai. Ông làm nghề tự do, thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng đủ điều kiện để cấp dưỡng cho các con. Về tài sản chung: ông không có quan điểm về phân chia tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 22/6/2021 Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ông D có quan điểm: đồng ý ly hôn bà Ngô Thị L; đồng ý giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi Đỗ Minh A 5.000.000đ/tháng kể từ khi có Bản án/quyết định của Tòa án cho đến khi Đỗ Minh A thành niên; ông không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Tuy nhiên, khi lập xong biên bản thì ông D bỏ về không ký biên bản và khẳng định không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập nữa; buổi hòa giải không thành.

Tại phiên tòa ông D không đồng ý ly hôn, ông cần có thời gian để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn vì mâu thuẫn của vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không xảy ra xô sát bao giờ. Về con chung: ông đồng ý giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Đỗ Minh A 5.000.000đ/tháng, kể từ khi có Bản án/Quyết định của Tòa án đến khi thành niên. Ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung Đỗ Tiến Đ.

Xác minh tại khu T 1, phường B, thành phố Hạ Long thể hiện: trong quá trình chung sống, bà L và ông D có mâu thuẫn, hay cãi vã và xích mích về cuộc sống hàng ngày từ nhiều năm nay, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì khu phố không nắm được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long phát biểu quan điểm việc tuân theo phát luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện

đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; do đó việc Tòa án nhân dân thành phố Hà Long thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Ngô Thị L và ông Đỗ Văn D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trong cuộc sống hàng ngày từ lâu, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do ông D uống rượu thiếu tôn trọng vợ, trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm; hay xảy ra cãi vã, xích mích dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vì vậy, bà L kiên quyết xin ly hôn dù ông D không đồng ý. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông D là có mâu thuẫn, những mâu thuẫn này đã phát sinh từ lâu. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hôn nhân đã vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thấy đã đủ căn cứ cho ly hôn.

[3] Về con chung: bà L và ông D có 02 (hai) con chung là Đỗ Minh A, sinh ngày 05/7/2005 và Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 22/7/2007 bà L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 (Hai) con chung, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung là Đỗ Minh A 5.000.000đ/tháng kể từ khi có Bản án/quyết định của Tòa án cho đến khi thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng đối với con chung Đỗ Tiến Đ, ông D đồng ý. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con thì yêu cầu của bà L phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cháu Đỗ Minh A và Đỗ Tiến Đ nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Xét ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116; 117 và 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị L được ly hôn ông Đỗ Văn D.

Về con chung: giao 02 (hai) con chung Đỗ Minh A, sinh ngày 05/7/2005 và Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 22/7/2007 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông D có trách nhiệm cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Đỗ Minh Anh thành niên; ông D không phải cấp dưỡng đối với con chung Đỗ Tiến Đạt.

Bà Ngô Thị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đỗ Văn D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Về án phí: bà Ngô Thị L chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003638 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ông Đỗ Văn D chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn báo quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND, Chi cục THADS Tp Hạ Long;
- UBND p B, Tp Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thanh Tâm

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND, Chi cục THADS Tp Hạ Long;
- UBND xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tâm